

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ QUẢN LÝ VĂN HÓA

QUY ĐỊNH VIỆT NAM
NHÀ NƯỚC MỸ THUẬT XXI

HÀN L - N M 2004

L I N Ó I U

Nhân lo i b c sang th k 21 v i nh ng c mong và hy v ng v m t th gi i hoà bình, n nh, và h p tác c ùng phát tri n.

Vi t Nam là m t qu c gia c l p, có ch quy n. Lãnh th Vi t Nam là m t ch nh th th ng nh t, b t kh xâm ph m, là n i sinh s ng c a trên 80 tri u dân thu c 54 dân t c anh em oàn k t trong i Gia ình dân t c Vi t Nam.

Vi t Nam có truy n th ng hoà hi u, luôn mong mu n gi v ng s n nh bên trong và chung s ng hoà bình, h u ngh v i t t c các qu c gia khác t p trung n l c cho công cu c phát tri n kinh t , xã h i theo m c tiêu dân giàu, n c m nh, xã h i công b ng, dân ch , v n minh.

V i nh ng thành t u ã t c trong công cu c xây d ng t n c theo ng l i i m i, nhân dân Vi t Nam ang v ng b c trên con ng y m nh công nghi p hoá, hi n i hoá t n c, phát tri n quan h h u ngh , h p tác v i các n c láng gi ng c ng nh các n c khác trong khu v c và trên th gi i. M t khác, ti p t c truy n th ng d ng n c i ôi v i gi n c, Vi t Nam c n t ng c ng s c m nh qu c phòng b o v v ng ch c c l p, ch quy n, th ng nh t, s toàn v n lãnh th ; b o v an ninh qu c gia, tr t t an toàn xã h i và n n v n hoá; b o v ng, Nhà n c, nhân dân và ch xã h i ch ngh a; b o v s nghi p i m i và l i ích qu c gia c a n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam.

Sách tr ng Qu c phòng Vi t Nam trình bày chính sách qu c phòng c a Nhà n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam, nêu rõ tính ch t hoà bình, t v , ch tr ng xây d ng n n qu c phòng toàn dân và l c l ng v trang nhân dân trong nh ng n m u th k 21.

PH N TH NH T

CHÍNH SÁCH QU C PHÒNG C A VI T NAM

1. T ng quan tình hình an ninh

1.1. Th gi i và khu v c

Nh ng s ki n đi n ra trên th gi i trong nh ng n m cu i th k XX, u th k XXI cho th y, tuy xu th chung v n là hoà bình và h p tác cùng phát tri n, song tình hình an ninh m t s khu v c có nh ng đi n bi n ph c t p. Tuy ít có nguy c x y ra chi n tranh th gi i, chi n tranh s d ng v khí hu di t l n, nh ng chi n tranh c c b , xung t v trang gi a các qu c gia hay trong m t qu c gia do mâu thu n dân t c, s c t c, tôn giáo, xu h ng chính tr , tranh ch p lãnh th , tài nguyên, kh ng b ...v n x y ra. N l c gi i tr quân b , c bi t là gi i tr v khí h t nhân và các lo i v khí hu di t l n khác ch a t c nh ng ti n b r ã r t. S n c ã có v khí h t nhân ho c có kh n ng công ngh nhan h chóng phát tri n v khí h t nhân không nh ng không gi m mà còn t ng lên. Trong khi ó, s phát tri n v khí thông th ng công ngh cao ang thúc y cu c ch y ua v trang m i, nh t là gi a các n c phát tri n.

V kh ng b ngày 11/9/2001 và nh ng đi n bi n ti p theo có tác ng n quan h gi a các n c l n. Kh ng b và ch ng kh ng b , bá quy n và ch ng bá quy n ang tr thành nh ng v n b c xúc. Các qu c gia yêu chu ng hoà bình và công lý trên th gi i u th y c n th ng nh t nh n th c v ch ngh a kh ng b và các v n toàn c u khác làm c s cho s ph i h p và h p tác gi i quy t trong khuôn kh Liên h p qu c, trên c s nh ng nguyên t c c b n c a Hi n ch ng Liên h p qu c và lu t pháp qu c t .

Cu c cách m ng Khoa h c-công ngh mà ng l c chính là công ngh thông tin s ti p t c thúc y s phát tri n m nh m trong các l nh v c s n xu t, d ch v và qu n lý, a loài ng i t i n n kinh t tri th c.

Xu th toàn c u hoá kinh t t o nên quan h tu thu c l n nhau ngày càng òi h i s h p tác, nh ng nh ng khác bi t v l i ích l i d n n s c nh tranh, có khi gay g t. Do s chênh l ch v m c phát tri n k t c u h t ng, trình khoa h c-công ngh , kh n ng ng d ng nh ng thành t u khoa h c-công ngh m i, và quan h không bình ng gi a các n c ã phát tri n và các n c ang phát tri n, s phân c c giàu nghèo th hi n s chênh l ch v thu nh p qu c dân tính theo ung i s v n r t l n.

Xu h ng h p tác khu v c v i s phát tri n các khu v c m u d ch t do òi h i m i qu c gia ph i nâng cao kh n ng c nh tranh n u không mu n b t th u.

Cháu Á -Thái Bình D ng v n c coi là khu v c có các n n kinh t phát tri n n ng ng nh t th gi i, ngày càng thu hút s quan tâm c a nhi u n c, nh t

là các nước lớn. Sau cuộc khủng hoảng tài chính cuối năm 1997, nền kinh tế của họ sụt giảm trong khu vực châu Á và tiếp tục suy thoái.

Ông Nam Á, các nước thành viên ASEAN đang tiếp tục hợp tác thúc đẩy Sáng kiến hạ tầng ASEAN (IAI), thu hút nguồn cách phát triển kinh tế giữa các nước thành viên và mời, tiếp xúc thành viên mới thành lập Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) và "Tuyên bố hòa hợp Ba-li II". Trích dẫn hợp tác kinh tế giữa ASEAN và các quốc gia trong APEC là nhân tố quan trọng góp phần tiếp tục hòa bình và ổn định khu vực.

ASEAN tiếp tục đóng vai trò tích cực trong quá trình vận động và phát triển của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) theo các nguyên tắc "tôn trọng", "không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau". Các nước liên quan nên tranh chấp quy định Bình ổn đã ra các "Tuyên bố về cách xử lý các bên Bình ổn" (DOC), mời tiếp tục quan trọng để thúc đẩy thu nhập "Bình ổn quy tắc xử lý" (COC) Bình ổn.

1.2. Việt Nam

Việt Nam, trong gần hai thập kỷ qua, nhờ nỗ lực cải thiện, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao, ổn định vĩ mô, tinh thần lạc quan tiếp nhận nhân dân ưu ái thi đấu, tình hình chính trị-xã hội ổn định, quốc phòng-an ninh vững chắc.

Sau nhiệm vụ nhiệm vụ hành động chiến lược gian khổ, ác liệt vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước, nhân dân Việt Nam đã tiếp tục trung thành kiên quyết đấu tranh, nâng trình phát triển kinh tế hiện còn thấp hơn so với nhiệm vụ trong khu vực. Việt Nam vẫn phải phòng ngừa các tác động tiêu cực của kinh tế.

Vấn đề phòng-an ninh, Việt Nam vẫn còn bị đe dọa bởi những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch bên ngoài câu kết với bên trong nhằm can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định chính trị-xã hội của Việt Nam.

Những vấn đề các giới quy tụ, liên quan tranh chấp biên giới, lãnh thổ trên biển, trên biển cùng những vấn đề an ninh phi truyền thống khác như buôn bán và vận chuyển trái phép vũ khí, ma túy, cướp biển, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, khủng bố, nhập cư và di cư trái phép, suy thoái môi trường sinh thái... cần là những mối quan tâm an ninh của Việt Nam.

2. Chính sách quốc phòng của Việt Nam

Việt Nam luôn kiên quyết coi việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Tính chất của quốc phòng Việt Nam là hòa bình, tự vệ. Việt Nam sẵn sàng mời gọi các quốc gia tiếp xúc thành viên mới tích cực phòng nói trên, nâng tầm vị thế.

trợ giúp các lập pháp, quy định và lợi ích của các quốc gia khác theo những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Viet Nam chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng quy mô phòng, phi hành không gian, an ninh viễn thông quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Sự cam kết quốc phòng của Viet Nam là sự cam kết nghiêm túc của khi toàn thể toàn dân, các cấp chính quyền Đảng Cộng sản Viet Nam lãnh đạo, kết hợp sự cam kết dân tộc với sự cam kết thi hành sự cam kết của lập pháp và thẩm quyền quốc phòng toàn dân với sự cam kết của lập pháp và thẩm quyền an ninh nhân dân.

Trong lĩnh vực môi trường, Viet Nam thể hiện nhất quán nguyên tắc môi trường quốc tế, tích cực, nghiêm túc, pháp luật hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Viet Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, ổn định và phát triển. Viet Nam ngày càng có nhiều đóng góp tích cực trong các tổ chức, các diễn đàn khu vực và quốc tế như ASEAN, ARF, APEC... góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

Sự cam kết quốc phòng của xây dựng nền quốc gia độc lập và con người Viet Nam, kết hợp sự cam kết dân tộc với sự cam kết thi hành, nâng cao trình độ công nghệ vũ trụ, tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của các nước bạn và các nước có chung mục đích đấu tranh cho hoà bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.

Viet Nam chủ trương không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự tại Viet Nam; không tham gia bất kỳ hoạt động quân sự nào sẽ dẫn đến sự leo thang hay đe dọa dẫn đến sự leo thang của các nước khác, nhưng sẵn sàng tận dụng mọi khả năng để ngăn chặn sự xâm phạm lãnh thổ trên bộ, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Viet Nam; không chấp nhận sự can thiệp của các nước vào nội bộ của Viet Nam.

Viet Nam nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền lợi của nhân dân, gây tổn hại các quyền cơ bản và chí danh, hoan nghênh những sáng kiến vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì lợi ích chung của nhân loại; chủ trương phát triển, sản xuất, tàng trữ, và sử dụng các loại vũ khí hạt nhân khác nhau, vũ khí sinh học, hoá học. Viet Nam kiên quyết lên án và chống hành vi thử nghiệm hạt nhân dưới mọi hình thức. Tuy nhiên, Viet Nam cho rằng các biện pháp chống thử nghiệm hạt nhân và hợp tác quốc tế chống thử nghiệm hạt nhân phải được thực hiện trong khuôn khổ Liên hợp quốc, phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Viet Nam sẵn sàng hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới trong nỗ lực vì quy tắc và an ninh phi truyền thống như là phần của các tổ chức xuyên quốc gia, buôn lậu ma tuý, cướp biển, suy thoái môi trường sinh thái... Mọi nỗ lực phát triển bền vững của Viet Nam cũng như của các quốc gia khác. Trên thế giới, Viet Nam đã và đang tích cực hành động hợp tác,

tr c h t là v i các n c thành viên ASEAN, trong l nh v c trao i thông tin, kinh nghi m u tranh ch ng t i ph m, k c t i ph m xuy ên qu c gia và kh ng b . Vi t Nam ã ti n hành tu n tra chung trên bi n v i Thái Lan và s th c hi n hình th c h p tác an ninh song ph ng này v i Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia, In-ô-nê-xi-a... nh m ch ng c p bi n, buôn l u ma túy, v n chuy n v khí trái phép, buôn bán ph n , tr em...

V nh ng v n tranh ch p ch quy n lãnh th trên b , trên bi n do l ch s l i, ho c m i n y sinh, Vi t Nam luôn s n sàng th ng l ng hoà bình gi i quy t m t cách có lý, có tình. Riêng v v n tranh ch p ch quy n Bi n ông, quan i m nh t quán c a Vi t Nam là: Vi t Nam kh ng nh ch quy n không th tranh cãi i v i vùng bi n, o c a Vi t Nam trên Bi n ông, trong ó có hai qu n o Hoàng Sa và Tr ng Sa. Vi t Nam có y ch ng c l ch s và c s pháp lý v v n này. Tuy nhiên, vì l i ích an ninh chung c a các bên h u quan, Vi t Nam s n sàng àm phán hoà bình gi i quy t, tr c m t là t t i s tho thu n v "B quy t c ng x " trong khi ti p t c tìm ki m gi i pháp lâu dài.

Vi t Nam ng h vi c gi i quy t các i m có nguy c bùng n xung t khác trong khu v c thông qua i tho i, th ng l ng hoà bình, không s d ng v l c hay e do s d ng v l c.

PHẦN THỨ HAI

XÂY DỰNG NỀN QU C PHÒNG TOÀN DÂN

Nền qu c phòng c a Vi t Nam do toàn dân tham gia xây dựng, là nền qu c phòng toàn dân, ngày càng hi n i, dựa vào sức mình là chính, nh m b o v v ng ch c T qu c, gi v ng hoà bình, n nh, t o i u ki n thu n l i th c hi n thành công s nghi p công nghi p hoá, hi n i hoá vì m c tiêu "dân giàu, n c m nh, xã h i công b ng, dân ch , v n minh".

Trong l ch s hàng nghìn n m d ng n c và gi n c, nh s c m nh c a n n qu c phòng toàn dân, dân t c Vi t Nam ã thành công trong các cu c kháng chi n ch ng ngo i xâm.

Ngày nay, nhi m v xây dựng n n qu c phòng toàn dân v ng m nh bao g m xây dựng ti m l c qu c phòng, xây dựng th tr n qu c phòng, và qu n lý nhà n c v qu c phòng.

1. Xây dựng ti m l c qu c phòng

Ti m l c qu c phòng Vi t Nam bao g m: ti m l c chính tr -tinh th n, ti m l c kinh t , ti m l c khoa h c-công ngh , và ti m l c quân s

Ti m l c chính tr -tinh th n là thành t c b n c a ti m l c qu c phòng, ch a ng trong t ch t c a con ng i, trong truy n th ng v n hoá c a dân t c và trong h th ng chính tr . V i ý chí th hi n trong t t ng H Chí Minh: "Chúng ta thà hy sinh t t c ch không ch u m t n c, không ch u làm nô l " và chân lý không có gì quý h n c l p, t do", dân t c Vi t Nam ã xây p nên truy n th ng yêu n c n ng nân, tinh th n t l c, t c ng, anh d ng, b t khu t trong su t quá trình u tranh lâu ài t n t i và phát tri n.

Xây dựng ti m l c chính tr -tinh th n tr c h t là xây dựng lòng tin c a m i t ng l p nhân dân vào b n ch t t t p c a ch , vào th ng l i c a s nghi p xây dựng và b o v T qu c.

V i c xây dựng ti m l c chính tr -tinh th n òi h i ph i ti n hành giáo d c qu c phòng m t cách sâu r ng, ng b nh m nâng cao ý th c qu c phòng cho toàn dân, tr c h t là cho th h tr , h c sinh, sinh viên và b i d ng ki n th c qu c phòng-an ninh cho cán b ch ch t các c p, các ngành, th c hi n m r ng dân ch theo ph ng châm "dân bi t, dân bàn, dân làm, dân ki m tra". M t khác, v i c m r ng dân ch ph i g n li n v i v i c xây dựng k c ng phép n c, giáo d c m i ng i dân ý th c ch p hành pháp lu t và trách nhi m i v i s nghi p qu c phòng. Nhà n c Vi t Nam th c hi n nh t quán chính sách tôn tr ng v à b o m quy n t do tín ng ng, theo ho c không theo m t tôn giáo nào, quy n sinh ho t tôn giáo bình th ng theo úng pháp lu t; nghiêm c m l i d ng các v n dân t c, tín ng ng, tôn giáo ho t ng trái pháp lu t và chính sách c a nhà

n c, kích ng chia r nhân dân, chia r các dân t c, gây r i, xâm ph m an ninh qu c gia. Vi t Nam hi n nay có h n 20 tri u tín và kho ng 56.000 ch c s c thu c 6 tôn giáo chính: Ph t giáo, Ph t giáo Ho à h o, Công giáo, Cao ài, Tin lành, H i giáo. Vi t Nam c coi là "b o tàng" c a các tôn giáo trên th gi i. Theo s li u th ng kê n m 2002, riêng Ph t giáo ã có t i 33.066 t ng ni, 14.043 chùa và tu vi n; Công giáo có 1.838 giáo x , 6.003 c s th t .

Nhà n c Vi t Nam luôn ch tr ng th c hi n t t chính sách các dân t c bình ng, oàn k t t ng tr , giúp nhau cùng phát tri n, nâng cao i s ng v t ch t và tinh th n, xoá ói gi m nghèo, m mang dân trí, gi gìn , làm giàu và phát huy b n s c v n hóa truy n th ng t t p c a các dân t c.

Ti m l c kinh t là c s v t ch t c a n n qu c phòng toàn dân, c xây đ ng theo k ho ch chi n l c c a nhà n c trên c s m t n n kinh t c l p, t ch , phát tri n nhanh và b n v ng.

Trong nhi u n m qua, kinh t Vi t Nam liên t c t nh p t ng tr ng cao. T ng s n ph m trong n c (GDP) n m 2000 t ng g p 2,07 l n so v i n m 1990; n m 2001 t ng 6,89%; n m 2002 l ng 7,04%; n m 2003 t ng 7,24%. Giá tr s n xu t nông, lâm, ng nghi p n m 2003 t ng 4,1%; công nghi p t ng 16%; các ngành d ch v t ng 6,57%; kim ng ch xu t kh u l ng 19% t 19,9 t USD; t ng v n u t toàn xã h i t m c 35,6% GDP; t o vi c làm m i cho 1,5 tri u ng i, gi m t l h ói nghèo xu ng còn 12%. C c u kinh t t i p t c chuy n d ch theo h ng công nghi p hoá, hi n ai hoá: t tr ng công nghi p trong GDP t ng nhanh, t 36,73% (n m 2000) lên 38,13% (n m 2001), 38,55% (n m 2002) và 40% (n m 2003). T tr ng nông nghi p gi m d n, t 24,53% xu ng 23,24%, 22,99% và 21,6% trong các n m t ng ng nh ng giá tr tuy t i c a khu v c này u t ng so v i các n m tr c .

T tình tr ng hàng hoá khan hi m nghiêm tr ng, nay s n xu t ã áp ng c các nhu c u thi t y u c a nhân dân và n n kinh t , t ng xu t kh u và có đ tr . K t c u h t ng phát tri n nhanh. Vi t Nam ã ch ng t ng b c h i nh p v i kinh t khu v c và th gi i. Môi tr ng u t Vi t Nam ngày càng c c i thi n, thu hút ngu n v n u t tr c ti p t n c ngoài (FDI) khá l n cùng nhi u công ngh và kinh nghi m qu n lý tiên ti n. Do thu nh p qu c dân tính theo u ng i t ng khá, c bi t là n u tính theo giá tr t ng ng s c mua (PPP), i s ng v t ch t, tinh th n c a m i t ng l p nhân dân bao g m c l c l ng v trang c c i thi n rõ r t; trình dân trí, ch t l ng ngu n nhân l c và tính n ng ng trong xã h i c nâng lên áng k .

t ng c ng ti m l c kinh t c a n n qu c phòng toàn dân, m t trong nh ng ch tr ng quan tr ng c a Nhà n c là k t h p ch t ch kinh t v i qu c phòng, qu c phòng v i kinh t trong quá trình công nghi p hoá, hi n i hoá t n c. Ch tr ng này c quán tri t trong các quy ho ch, k ho ch t ng th phát tri n kinh t -xã h i c a c n c, c a t ng ngành, t ng a ph ng.

Nhiệm vụ xây dựng tiềm lực kinh tế cho nhân dân quốc phòng toàn dân trong những năm qua đã mang lại những kết quả quan trọng. Ngày nay, Việt Nam đã có lực lượng đội ngũ trí thức, thanh niên, quân trang, quân dụng đáp ứng yêu cầu chi phí và hình thành tình huống khẩn cấp, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển ngày càng hoàn chỉnh và hiện đại đang phát huy tác dụng phục vụ cho phát triển kinh tế và hoạt động quốc phòng. Ngân sách quốc gia tuy còn hạn hẹp nhưng cũng đã dành một phần lớn chi tiêu cho quốc phòng nói chung, và đáp ứng yêu cầu chi tiêu ưu tiên phát triển nhân công nghiệp quốc phòng nói riêng, mở rộng trang bị cho lực lượng vũ trang.

Tiềm lực khoa học-công nghệ là thành tố có vai trò ngày càng quan trọng trong tiềm lực quốc phòng.

Những yếu tố bản chất của tiềm lực khoa học-công nghệ là khả năng và trình độ phát triển khoa học-công nghệ, số lượng và chất lượng cán bộ khoa học-công nghệ, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu-phát triển, phân bố nguồn lực khoa học-công nghệ.

Nhà nước Việt Nam coi phát triển khoa học-công nghệ cùng với phát triển giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực phát triển kinh tế-xã hội, yểm trợ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển dân tộc và xây dựng đất nước giàu mạnh.

Hai khâu cơ bản của Nhà nước cần tập trung tâm trọng xây dựng tiềm lực khoa học-công nghệ là xây dựng đội ngũ cán bộ có đức, có tài, có hoài bão và quy tắc làm việc nghiêm túc, nâng cao trình độ và xây dựng môi trường cơ bản cơ sở vật chất, kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu-phát triển khoa học-công nghệ phục vụ cho các dự án then chốt trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cung cấp luận cứ khoa học cho các chiến lược, chính sách của Nhà nước và phát triển kinh tế, văn hoá quốc phòng.

Yểm trợ việc xây dựng tiềm lực khoa học-công nghệ, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Luật khoa học và công nghệ; có chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học; tăng cường đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và số lượng cán bộ; áp dụng hình thức đãi ngộ, tôn vinh và xã hội hóa các nhà khoa học và các chuyên gia công nghệ hàng đầu. Nhà nước khuyến khích việc áp dụng hình thức xã hội hóa và phát huy năng lực của đội ngũ trí thức tu nghiệp còn sống còn hiện nay. Hình thức tổ chức, phương pháp và chế độ hoạt động hợp lý của các trung tâm, các viện nghiên cứu-phát triển khoa học-công nghệ đã có tác dụng phát huy tối đa trí tuệ tập thể của nhân tài năng cá nhân của các nhà khoa học.

Nhà nước cũng đã đưa ra các biện pháp tăng cường hoạt động khoa học-công nghệ; tăng cường đầu tư cho phát triển khoa học-công nghệ từ nhiều nguồn; coi trọng việc nâng cao trình độ thành tựu khoa học-công nghệ phát triển sản xuất; mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; yểm trợ các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học-công nghệ cho nhân dân...

Tuy còn nh ng khó kh n h n ch , nh ng ti m l c khoa h c-công ngh c a t n c ang t ng b c c t ng c ng, ph c v ngày càng có hi u qu cho phát tri n kinh t và c ng c qu c phòng-an ninh c a Vi t Nam.

Ti m l c quân s là b ph n nòng c t c a ti m l c qu c phòng, c xây đ ng trên n n t ng c a ti m l c kinh t , chính tr -tinh th n, khoa h c-công ngh .

Nhà n c Vi t Nam xây đ ng ti m l c quân s theo k ho ch chi n l c phù h p v i yêu c u c a nhi m v b o v T qu c; th ng xuyên quan tâm duy trì, hoàn thi n và không ng ng phát tri n n ng l c chi n u và trình s n sàng chi n u c a l c l ng v trang c v nhân l c, t ch c, biên ch , trang b , c s b o m h u c n, khoa h c và ngh thu t quân s ; coi tr ng hai y u t c b n là con ng i và v khí, trang b , nh ng xác nh rõ con ng i là y u t quy t nh nh t.

Vi t Nam có ti m l c quân s m nh m t ph n nh ngu n nhân l c d i d ào. S thanh niên nh p ng hàng n m có th ch t, trình h c v n và ý th c qu c phòng ngày càng cao, luôn t giác th c hi n nhi m v b o v T qu c. Sau khi hoàn thành ngh a v quân s t i ng , h tr v i s ng dân s , tham gia các l nh v c khác nhau c a i s ng xã h i và là l c l ng đ b hùng h u, s n sàng ng viên b sung cho l c l ng th ng tr c khi c n.

Ti m l c quân s Vi t Nam còn th hi n kh n ng ng viên công nghi p, nông nghi p, khoa h c-k thu t, giao thông v n t i và các ngành đ ch v công c ng khác áp ng yêu c u qu c phòng khi x y ra tình hu ng kh n c p.

Nhà n c Vi t Nam ch tr ng g n vi c xây đ ng ti m l c quân s v i vi c xây đ ng ti m l c chính tr - tinh th n, ti m l c kinh t , ti m l c khoa h c-công ngh , coi ó là yêu c u t t y u trong xây đ ng ti m l c c a n n qu c phòng toàn dân, b o m kh n ng huy ng t o thành s c m nh b o v v ng ch c T qu c.

2. Xây đ ng th tr n qu c phòng

Th tr n qu c phòng toàn dân là th b trí l c l ng và ti m l c qu c phòng trên toàn b lãnh th theo ý nh chi n l c, b o m i phó th ng l i v i m i âm m u và hành ng b o lo n v trang, xâm ph m c l p, ch quy n, th ng nh t, s toàn v n lãnh th , và l i ích qu c gia c a Vi t Nam.

Th tr n qu c phòng c xây đ ng g n v i quy ho ch t ng th c a qu c gia, c a các t nh, thành ph theo h ng k t h p ch t ch kinh t v i qu c phòng, qu c phòng v i kinh t ; chú tr ng i u hòa nhân l c, b trí c c u kinh t -k thu t; k t h p vi c b trí phân vùng kinh t v i th b trí qu c phòng; xây đ ng c s h t ng, các công trình phòng th , thi t b chi n tr ng, h u ph ng chi n l c... hình thành các khu v c chi n l c v ng v chính tr , giàu v kinh t , m nh v qu c phòng, an ninh. Nòng c t c a th tr n qu c phòng toàn dân là th b trí chi n l c c a l c l ng v trang và các khu v c phòng th t nh, thành ph .

Trên cơ sở ưu tiên thực hiện chính sách kinh tế trên phạm vi cả nước, Nhà nước tập trung xây dựng các thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc, bố trí trong thành phố có kho tàng lương thực quy mô tương xứng nhu cầu chiến đấu; khi xảy ra chiến tranh thì chiến đấu quyết liệt, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và yểm trợ quân chủ lực, đánh lạc hướng, tẩu thoát và phối hợp chiến đấu với các binh đoàn chiến đấu tiêu diệt địch. Việc xây dựng cơ sở thôn (bản), xã (phường), các vùng biên giới, hải đảo và các địa bàn trọng yếu vững chắc toàn diện để chiến đấu coi trọng.

Thực hiện quy chế phòng toàn dân gắn bó chặt chẽ với thực tiễn an ninh nhân dân của Việt Nam bố trí liên hoàn, vững chắc, phát huy sức mạnh của các lực lượng, kết hợp các hình thức hoạt động vũ trang và phi vũ trang, tổ chức kho tàng lương thực, kho tàng vũ khí và phối hợp tác chiến, có thể nhanh chóng chuyển hoá thành thực tiễn chiến đấu nhân dân khi tình huống đòi hỏi.

3- Quy định nhà nước về quy chế phòng

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện việc quy định quy chế phòng theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Nội dung cơ bản của công tác quy định Nhà nước về quy chế phòng gồm: ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quy chế phòng; xây dựng quy hoạch, kế hoạch ngân sách quy chế phòng; tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy chế phòng và các biện pháp cần thiết bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện các quy định của Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Luật Biên giới Quốc gia; Chế độ thực hiện ký ban hành các pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, dân quân-tự vệ, bố trí biên phòng, cảnh sát biển, cảnh sát nhân dân, an ninh nhân dân, bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ các công trình quy chế phòng và khu quân sự, công viên công nghệ... Chính phủ ban hành các nghị định, quy định thực hiện các Luật, Pháp lệnh nêu trên. Hệ thống pháp luật về quy chế phòng, hệ thống chính sách về công tác quy chế phòng và xây dựng quân đội đang được hoàn thiện.

Quy hoạch, kế hoạch ngân sách quy chế phòng đã được xây dựng và ưu tiên phù hợp với yêu cầu của các tình huống khác nhau. Các nhiệm vụ khác như giáo dục quy chế phòng, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quy chế phòng và ngoại giao quân sự, bố trí sĩ quan và tổ chức cho lực lượng vũ trang và thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quy chế phòng của thực tiễn có kết quả.

Công tác nghiên cứu khoa học nhằm xuất hiện những phát triển mới cho việc hiện đại hoá quy chế phòng tăng cường, phù hợp với kho tàng kinh tế của Nhà nước chú trọng.

Trên cơ sở hệ thống chính sách ngày càng hoàn thiện và hệ thống văn bản pháp luật ngày càng chặt chẽ, toàn dân tích cực tham gia xây dựng, Nhà nước đã quy định những nội dung và hiệu quả nghiên cứu quy chế phòng. Vì vậy, dù trong điều kiện còn

g p không ít khó kh n, ngân sách qu c phòng chi m t l kho ng 2,5% GDP nh ng n n qu c phòng Vi t Nam v n ngày càng c c ng c .

Trong tình hình m i, Vi t Nam ti p t c th c hi n ch tr ng phát huy s c m nh t ng h p c a toàn dân, c a c h th ng chính tr , t ng c ng ti m l c m i m t và th tr n qu c phòng ch ng ng n ng a, i phó k p th i v i các tình hu ng ph c t p, b o v v ng ch c c l p, ch quy n, s toàn v n lãnh th và l i ích qu c gia, gi v ng hoà bình, n nh chính tr phát tri n t n c .

PH N TH BA XÂY D NG L CL NG V TRANG

L c l ng v trang nhân dân Vi t Nam ngày nay g m Quân i nhân dân, dân quân t v , c nh sát bi n, và công an nhân dân do ng C ng s n Vi t Nam lãnh o tr c ti p, tuy t i v m i m t, Nhà n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam qu n lý, có nhi m v s n sàng chi n u b o v t qu c xã h i ch ngh a ng th i góp ph n cùng toàn dân xây d ng t n c.

1. Các thành ph n l c l ng v trang

1.1. Quân i Nhân dân Vi t Nam

Quân i nhân dân Vi t Nam, nòng c t c a l c l ng v trang nhân dân Vi t Nam, là m t quân i ki u m i, mang b n ch t giai c p công nhân, tính dân t c và tính nhân dân sâu s c, t nhân dân mà ra, vì nhân dân mà ph c v , có m c tiêu chi n u nh t quán "vì c l p t do c a T qu c, vì ch ngh a xã h i, vì h nh phúc c a nhân dân". Quân i nhân dân Vi t Nam c thành l p ngày 22 tháng 12 n m 1944. ó là ngày thành l p i Vi t Nam Tuyên truy n Gi i phóng quân- i quân ch l c u tiên-theo ch th c a lãnh t H Chí Minh. K th a và phát huy truy n th ng quân s c a dân t c, d a vào s c m nh c a nhân dân và chi n tranh nhân dân Vi t Nam, s oàn k t, giúp c a nhân dân và quân i các n c anh em, v a chi n u v a xây d ng, Quân i nhân dân Vi t Nam ã phát tri n t nh n l n, càng ánh càng m nh, càng ánh càng th ng l n và tr ng thành v t b c. S c m nh c a Quân i nhân dân Vi t Nam th h i n trong các cu c kháng chi n ch ng xâm l c b t ngu n t s giác ng chính tr -t t ng, th ng nh t v m c tiêu, lý t ng chi n u, tình oàn k t quân dân, oàn k t nh t trí gi a cán b và chi n s , m u trí d ng c m trong chi n u, n ng ng sáng t o trong s d ng nh ng v khí, trang b k thu t phù h p v i ngh thu t quân s Vi t Nam, chi n tr ng Vi t Nam.

Trong th i k hoà bình xây d ng, Quân i nhân dân Vi t Nam ti p t c phát huy truy n th ng và b n ch t t t p, luôn làm úng ch c n ng c a m t i quân chi n u, công tác, s n xu t, x ng áng v i l i khen ng i c a Ch t ch H Chí Minh: "Quân i ta trung v i ng, hi u v i dân, s n sàng chi n u hy sinh vì c l p, t do c a T qu c, vì ch ngh a xã h i, nhi m v nào c ng hoàn thành, khó kh n nào c ng v t qua, k thù nào c ng ánh th ng".

Ngày nay, t n c ang ti p t c th c hi n công cu c i m i, y m nh công nghi p hoá, hi n i hoá, Quân i nhân dân Vi t Nam ang phát huy vai tr ò nòng c t trong c ng c , xây d ng n n qu c phòng toàn dân v ng m nh, cùng các thành ph n khác c a l c l ng v trang góp ph n c ng c kh i oàn k t toàn dân ch ng m i m u chia r tôn giáo, dân t c, gi v ng n nh chính tr , an ninh, tr t t xã h i, b o v cu c s ng và thành qu lao ng c a nhân dân, xây d ng t n c theo m c tiêu dân giàu n c m nh, xã h i công b ng, dân ch , v n minh.

Lực lượng Quân Việt Nam không tách thành bộ phận riêng mà gồm các quân khu, quân đoàn binh chủng hợp thành, các binh chủng: pháo binh, công binh, thông tin, hoá học, tăng-thiết giáp; công và các đơn vị trực thuộc Bộ. Các quân khu được tổ chức trên các hướng chiến lược gồm các binh đoàn chiến lược trực thuộc quân khu và các đơn vị biệt lập phòng thủ, huấn luyện trong quân khu.

Lực lượng Quân Việt Nam, dưới sự chỉ huy chung của Bộ Tổng tham mưu, đóng vai trò quan trọng trong Quân đội nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ, là lực lượng xây dựng từ ngày đầu thành lập quân đội và bắt đầu bước phát triển về quy mô tổ chức và chiến lược cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, và phòng thủ tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Lực lượng Quân Việt Nam được trang bị theo hướng hiện đại, gọn nhẹ, có khả năng cơ động cao, có sức chiến kích và hoạt động mạnh, có khả năng tác chiến trong các điều kiện, địa hình, thời tiết, khí hậu trên chiến trường của mình phù hợp với cách đánh mới ngày càng hoàn thiện. Trải qua thử thách trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, Lực lượng Quân Việt Nam bắt đầu trở thành, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tạo nên truyền thống vẻ vang. Tất cả các quân đoàn, huấn luyện các binh chủng và nhiệm vụ của Lực lượng Quân đội được đặt dưới Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Nhiệm vụ cơ bản của Lực lượng Quân Việt Nam hiện nay là quân đoàn. Số lượng quân đoàn thu hẹp yêu cầu thời kỳ chiến lược ngừng chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Các đơn vị như sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội.

- Hải quân

Hải quân nhân dân Việt Nam, tiền thân là Cục Phòng thủ biển, thành lập ngày 07 tháng 5 năm 1955, sau đó thành Cục Hải quân (thành lập ngày 24 tháng 01 năm 1959), và chính thức trở thành một quân chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 01 năm 1964 với việc thành lập Bộ Tổng chỉ huy Hải quân.

Quân chủng Hải quân có nhiệm vụ bảo vệ vùng biển và vùng trũng trên biển của Việt Nam. Trong thời kỳ chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ cũng như trong kháng chiến giải phóng miền Nam, Hải quân nhân dân Việt Nam đã tham gia các hoạt động chiến đấu trên biển, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ giao, tiếp tế đã hoàn thành nhiệm vụ thu hồi phần lớn các đảo và quần đảo - phần lãnh thổ của Tổ quốc trên biển-tây chèo Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Năm 1989, Quân chủng Hải quân nhân dân Việt Nam được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hải quân nhân dân Việt Nam có các thành phần chiến đấu và bảo vệ như ngư lôi, tàu thủy, vận khí, trang bị ngày càng hiện đại, sẵn sàng chiến đấu trên các vùng biển của Việt Nam.

Hải quân nhân dân Việt Nam được tổ chức thành các Vùng Hải quân.

Quân chủng Hải quân luôn giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ biển, eo, thềm lục địa, vùng cực quyển kinh tế của Thủ quốc cũng như các lợi ích kinh tế biển, và là lực lượng nòng cốt thi hành với các lực lượng khác như công an, hải quan, biên phòng, cảnh sát biển quản lý chặt chẽ vùng biển và các hoạt động kinh tế trên biển của đất nước theo đúng luật pháp của Việt Nam và các quốc tế.

Phòng không-không quân là quân chủng nhiệm vụ cá biệt phòng không quốc gia và cả không quân, có chức năng là đánh trả các cuộc tấn công không của phi cơ bảo vệ các mục tiêu trọng yếu quốc gia, bảo vệ nhân dân, tham gia tác chiến trong các chiến dịch thi hành quân binh chủng hợp thành phối hợp nhiệm vụ. Lực lượng không quân vượt ngoài nhiệm vụ chuyên phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

Lực lượng phòng không-không quân trở thành thành viên của Bộ Quốc phòng. Ưu tiên mới có một trung đoàn phòng không được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 1953 nhằm góp phần quan trọng trong thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, giữ gìn phóng mìn đất nước. Trong cuộc chiến tranh giữ gìn phóng, lực lượng phòng không-không quân đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ quốc gia, góp phần xứng đáng vào nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giữ gìn phóng miền Nam, thắng lợi đất nước.

Ngày nay Quân chủng Phòng không-không quân đã có các sở đoàn phòng không và sở đoàn không quân, tăng cường trang bị các loại máy bay, tên lửa, pháo phòng không, và các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác, nâng cao huấn luyện, và làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ và quản lý vùng trời của Thủ quốc, cũng như làm các nhiệm vụ khác mà Nhà nước và quân đội giao cho. Do những thành tích trong chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ khác, lực lượng không quân và phòng không của Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày thành lập Quân chủng Phòng không-không quân là ngày hợp nhất Bộ Tổng Lãnh Phòng không và Cục Không quân 22 tháng 10 năm 1963.

- Bộ đội biên phòng

Bộ đội biên phòng là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng cá biệt là làm nòng cốt chuyên trách trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, các hải đảo, vùng biển và tất cả các cửa khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Bộ đội biên phòng được thành lập ngày 03 tháng 3 năm 1959.

Nhiệm vụ thường xuyên của Bộ đội biên phòng là: Chăm trì giữ gìn với các ngành, các lực lượng công an trên địa bàn trong quản lý, bảo vệ biên giới, mặt giới; duy trì thực hiện các hiệp định, quy chế biên giới và pháp luật về biên giới. Phát hiện và đấu tranh với các hoạt động vi phạm và chống phá của các loại tội phạm, giữ vững chủ quyền, an ninh, trật tự khu vực biên giới. Thực hiện nhiệm

v i ngo i biên phòng, quan h v i các c quan h u quan các n c láng gi ng gi i quy t các v n v quan h biên gi i nh m xây d ng biên gi i hoà bình, h u ngh , góp ph n t o môi tr ng n nh, ph c v c l c cho ch tr ng m r ng h p tác qu c t .

Các n v B i biên phòng t ng a ph ng c ng là thành viên trong khu v c phòng th t nh, huy n.

B i biên phòng c xây d ng ngày càng v ng m nh, gi i v nghi p v biên phòng, dân v n, n m v ng pháp lu t c a Vi t Nam c ng nh pháp lu t và các thông l qu c t , và c trang b các ph ng ti n nghi p v biên phòng cùng v khí chi n u ngày càng hi n i hoàn thành t t nhi m v .

Do thành tích chi n u và công tác, n m 1979, B i biên phòng c Nhà n c Vi t nam phong t ng danh hi u Anh hùng l c l ng v trang nhân dân.

1.1.2.2. B i a ph ng

B i a ph ng là l c l ng c ng tác chi n t i ch , ch y u trên a bàn a ph ng và cùng v i dân quân t v làm nông c t c a chi n tranh nhân dân t i a ph ng đ i s ch huy tr c ti p c a B ch huy quân s t nh (thành ph tr c thu c trung ng) và Ban Ch huy quân s huy n (qu n, th xã, thành ph thu c t nh). B i a ph ng c chính th c thành l p ngày 07 tháng 4 n m 1949 theo s c l nh c a Ch t ch Chính ph Vi t Nam dân ch c ng hoà.

B i a ph ng g n bố ch t ch v i khu v c phòng th , ho t ng chi n u trong th tr n phòng th chung c a c n c, phù h p v i yêu c u và c i m t ng khu v c trong chi n tranh nhân dân a ph ng k t h p v i chi n tranh nhân dân c a c n c.

Biên ch và th b trí c a b i a ph ng tu thu c quy mô và t m quan tr ng c a các t nh (thành ph tr c thu c trung ng), huy n (qu n, th xã, thành ph thu c t nh). Tu theo qui mô t ch c, i u ki n a hình, hoàn c nh kinh t -xã h i c a t ng a ph ng, các n v b i a ph ng c trang b v khí v i s l ng, ki u lo i phù h p v i yêu c u tác chi n. B i a ph ng c ng có các n v chuyên môn, k thu t, các n v phòng không, pháo binh, trinh sát, c công và các n v b o m khác.

Ngày nay, vi c t ch c h c t p, hu n luy n cho các n v b i a ph ng c ti n hành th ng xuyên nh m nâng cao ý th c c nh giác, s n sàng ph i h p, hi p ng v i l c l ng dân quân t v trong chi n u, b o v nhân dân và chính quy n a ph ng. L c l ng b i a ph ng còn k t h p ch t ch v i l c l ng dân quân t v gi gìn tr t t an ninh trong a bàn, giúp hu n luy n dân quân t v và góp ph n hoàn thành nhi m v hu n luy n l c l ng đ b ng viên.

1.2. Dân quân t v

Dân quân t v là l c l ng v trang qu n chúng không thoát ly s n xu t, công tác, là m t b ph n c a l c l ng v trang nhân dân c a n c C ng hoà xã

hội chủ nghĩa Việt Nam, tổ chức lãnh đạo công an Công an Việt Nam, sự quản lý và hành chính và các ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo chỉ huy trực tiếp của các quan quân sự địa phương.

Dân quân tự vệ tổ chức xã, phường, thị trấn là dân quân; các quan nhà nước, nhân viên nghiên cứu, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị-xã hội (giai cấp chung là các quan, tổ chức) gia nhập là tự vệ.

Dân quân tự vệ có lực lượng nông cày và lực lượng rừng rẫy, tổ chức thành các trung đội, tiểu đội hoặc tiểu đoàn, các trang bị vũ khí thích hợp. Trong thời bình, dân quân tự vệ có chức năng vâng lệnh sự nghiệp, vâng lệnh vai trò xung kích trong bảo vệ sự nghiệp, phòng chiến, khắc phục hậu quả thiên tai, chiến tranh và các sự cố nghiêm trọng khác, đồng thời phải giữ vững lực lượng an ninh cơ sở giữ gìn trật tự xã hội, an ninh chính trị tại địa phương. Trong thời chiến, dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu của chiến tranh nhân dân, làm nông cày cho phong trào toàn dân đánh giặc tại địa phương.

Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc, nhiều nhân viên dân quân tự vệ đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 28 tháng 3 hàng năm là ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ.

1.3. Công an sát biên

Lực lượng công an sát biên được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 1998, là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý và an ninh, trật tự, an toàn và bảo vệ môi trường pháp luật của Nhà nước Việt Nam và các khu vực có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên các vùng biên và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhiệm vụ của lực lượng công an sát biên Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành.

1.4. Công an nhân dân

Công an nhân dân Việt Nam, gọi tắt là lực lượng an ninh nhân dân và lực lượng công an sát nhân dân, có hai chức năng chủ yếu: quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh, trật tự và trực tiếp đấu tranh, chiến đấu, điều tra phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự. Công an nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1945

2- Phương hướng và các biện pháp chủ yếu

Việt Nam chuyển đổi duy trì lực lượng vũ trang mạnh, quân sự hợp lý, huấn luyện chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu bảo vệ đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực thi các biện pháp xây dựng lực lượng vanguard trong thời bình, Việt Nam đã tiến hành giảm thiểu số lượng quân thường trực, xây dựng bộ đội địa phương và lực lượng dự bị động viên phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tế trong thời bình, đồng thời có kế hoạch áp dụng yêu cầu phổ biến các tình huống khẩn cấp địa phương. Việc hoàn thiện tổ chức biên chế chiến đấu hành quân thời kỳ công tác giáo dục, huấn luyện và nâng cao chất lượng đội ngũ các thành phần lực lượng vanguard. Công tác huấn luyện được coi là trọng tâm, và chiến đấu hành quân phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, sát với thực tiễn chiến đấu, và phù hợp với khí trang bị và nghệ thuật quân sự của Việt Nam. Việt Nam coi trọng việc nâng cao trình độ hiểu biết của quân đội về khoa học quân sự, kỹ thuật quân sự, nghệ thuật quân sự. Việt Nam hiện nay, nhiệm vụ nghệ thuật tác chiến của tác nhân quân chủng, binh chủng, từng thành phần quân chủng nghệ thuật tác chiến hiệp đồng binh, quân chủng.

- Xây dựng vanguard chính trị - tinh thần

Trong xây dựng lực lượng vanguard nhân dân, việc xây dựng vanguard chính trị - tinh thần là cơ sở xây dựng lực lượng vanguard đội ngũ đội ngũ đội ngũ. Bởi vì xét cho cùng, trong mọi cuộc chiến tranh, yếu tố tinh thần của người chiến đấu quyết định khí bao giờ cũng có ý nghĩa quyết định thắng bại, bởi trên chiến trường.

Việt Nam chú trọng tăng cường công tác giáo dục chính trị cho quân đội theo tinh thần "Trung với Đảng, hiếu với dân"; phát huy truyền thống yêu nước, lòng kiên cường bất khuất của cha ông, luôn sẵn sàng chiến đấu, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng bộ đội chính trị vững vàng cho lực lượng vanguard nhân dân. Lực lượng vanguard nhân dân Việt Nam vững vàng về chính trị, dũng cảm với nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lợi ích quốc gia, góp phần giữ gìn hòa bình khu vực và thế giới là sứ mệnh thiêng liêng của nhân dân trên mặt trận chính trị - tinh thần. Việt Nam chú trọng đội ngũ đội ngũ các thành phần thành phần "phi chính trị hoá" lực lượng vanguard nhân dân.

- Huấn luyện

Trong thời bình, đội ngũ xây dựng vanguard chính trị - tinh thần, huấn luyện quân sự là công việc trọng tâm của công tác huấn luyện và kế hoạch sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vanguard. Quân đội nhân dân Việt Nam coi trọng huấn luyện kỹ năng chiến đấu cá nhân, tác chiến hiệp đồng binh, quân chủng, phát huy tính năng, hiệu quả của các loại vũ khí, trang bị hiện có bằng nghệ thuật quân sự Việt Nam, đồng thời coi trọng việc nâng cao kỹ năng về công nghệ quân sự hiện đại; đội ngũ đội ngũ đội ngũ, chương trình và phương pháp huấn luyện cho phù hợp với qui mô tổ chức, trang bị và điều kiện thực tế của từng thành phần quân, áp dụng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

- Xây dựng đội ngũ sĩ quan và cán bộ chuyên môn kỹ thuật

Xây dựng lực lượng vanguard nhân dân nói chung và xây dựng Quân đội nhân dân, xây dựng đội ngũ sĩ quan, cán bộ chuyên môn kỹ thuật nói riêng, là một trọng tâm, công việc là một bộ phận của "chiến lược con người". Chiến lược Nhân Chính

- Xây dựng và phát triển nền khoa học quân sự Việt Nam

Các cuộc khởi nghĩa và tranh giành, chiến tranh giành quyền trong lịch sử lâu dài của dân tộc Việt Nam đã làm nảy sinh kinh nghiệm, nhu cầu bài học xây dựng thành lý luận quân sự của áo cờ Việt Nam. Đó là cảm thức triết lý mà các bậc tiền nhân đã đúc kết thành qui luật tìm ra sự cảm nhận riêng. Một trong những cơ sở tạo nên nền sự cảm nhận đó là tinh thần căm thù dân tộc của Việt Nam. Tinh thần đó được biểu hiện bằng lòng yêu nước, tinh thần căm thù, bất khuất, bất khuất, bất khuất "em sẽ chết mà giành giật cho ta". Khoa học quân sự Việt Nam luôn nhận được bài học to lớn và sâu sắc. Như vậy, nền khoa học quân sự của toàn dân, của cả dân tộc đã được khai thác và phát huy một cách tốt nhất trong hàng nghìn năm lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam.

Ngày nay, trong điều kiện, hoàn cảnh mới, khoa học quân sự Việt Nam cần bổ sung lý luận và xây dựng lực lượng nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời bình. Khoa học quân sự Việt Nam cần xây dựng thế hệ thế hệ và lý luận quân sự Việt Nam, nâng cao trình độ thu nhập tinh hoa của khoa học quân sự thế giới và áp dụng phù hợp với hoàn cảnh thế giới Việt Nam, cần biết là nền khoa học quân sự liên quan đến nền kinh tế mới do tác động của các cách mạng khoa học-công nghệ trong lĩnh vực quân sự.

Điều kiện phát triển khoa học quân sự, ngành kỹ thuật quân sự cần nâng cao phát huy truyền thống sáng tạo, bất khuất, bất khuất "trong nghiên cứu-phát triển và ứng dụng công nghệ mới, cần biết là công nghệ thông tin, trong huấn luyện và đào tạo cán bộ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện nay của kỹ thuật vũ khí công nghệ cao.

Hệ thống chỉ huy đã đáp ứng yêu cầu chỉ huy quân sự và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các cuộc chiến tranh và qua. Ngày nay nền khoa học-công nghệ, cần biết là công nghệ thông tin, đã tạo nên bước phát triển mới về các phương tiện thông tin-liên lạc phục vụ chỉ huy, kiểm soát, tình báo và tiến hành "chiến tranh thông tin". Những thách thức lớn của chiến tranh này đòi hỏi hệ thống chỉ huy của Quân đội Nhân dân Việt Nam phải có những đổi mới có thể đáp ứng yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thế kỷ XXI. Cần biết là, nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin-liên lạc có vai trò quan trọng trong xây dựng sự cảm nhận chiến lược của Quân đội nhân dân và của sự cảm nhận quốc phòng toàn dân.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế

Vì lợi ích chung của hòa bình, thế giới nhân loại cần có sự hợp tác, chính sách mở cửa, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Nhà nước Việt Nam, chính sách quốc phòng Việt Nam chuyển đổi sang và phát triển quan hệ giao lưu, hợp tác trên cơ sở bình đẳng, hữu nghị lẫn nhau và lợi ích chung của nhân loại.

Theo hướng đó, Quân đội nhân dân Việt Nam xúc tiến các cuộc viếng thăm trao đổi các cấp, tham gia các hội nghị, các diễn đàn nhân loại và các tình hình

ng, s h i u b i t l n nhau, xây d ng lòng tin vì m c ích c ng c hoà bình, an ninh, h p tác phát tri n c a khu v c và th gi i trên c s bình ng, tôn tr ng c l p ch quy n, không can thi p vào công vi c n i b c a nhau.

Hàng n m, các s quan Quân i nhân dân Vi t Nam tham d nhi u cu c h i ngh , h i th o qu c t nh m trao i quan i m, h c thu t v các v n an ninh khu v c và th gi i.

Nhi u oàn thu c các h c vi n, vi n nghiên c u qu c phòng các n c trên th gi i sang th m Vi t Nam u có các bu i trao i c i m , b ích v i các tr ng s quan, h c vi n và vi n nghiên c u qu c phòng c a Vi t Nam. Chi n h m c a nhi u n c ã ghé th m c ng Vi t Nam.

M t s n v c a H i quân nhân dân Vi t Nam và l c l ng c nh sát bi n th ng xuyên tham gia các ho t ng tu n tra chung trên bi n, ki m soát ch ng buôn l u, tìm ki m, c u n n-c u h trên bi n và h p tác c u tr thiên tai v i m t s n c láng gi ng.

Thông qua ho t ng i ngo i qu c phòng, các cu c trao i quan i m, h c thu t, gi i quân s các n c hi u rõ h n v n n qu c phòng toàn dân c a Vi t Nam, v tính ch t t v , hoà bình c a chính sách qu c phòng Vi t Nam. ó là m t óng góp có ý ngh a cho hoà bình, an ninh khu v c và th gi i.

Trong xu th chung c a tình hình th gi i là hoà bình và h p tác phát tri n, nguy n v ng tha thi t c a nhân dân Vi t Nam là duy trì s n nh chính tr - xã h i bên trong và môi tr ng hoà bình bên ngoài t p trung n l c cho công cu c phát tri n kinh t , xây d ng t n c ngày càng giàu m nh.

Vi c công b cu n "Qu c phòng Vi t Nam nh ng n m u th k XXI" nh m góp ph n xây d ng lòng tin gi a n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam v i các qu c gia khác trong c ng ng qu c t . ó là m t trong nh ng c s quan tr ng phát tri n quan h h u ngh , h p tác, bình ng, tôn tr ng l n nhau vì hoà bình, c l p dân t c, dân ch và t i n b xã h i

PH L C 1
K T Q U 5 N M QUÂN I NHÂN DÂN
VI T NAM THAM GIA XÂY D NG PHÁT TRI N
KINH T - XÃ H I

T n m 1998-2003, theo m t án t ng th , quân i ã tham gia xây d ng và phát tri n kinh t -xã h i, c ng c qu c phòng-an ninh trên các a bàn chi n l c biên gi i, ven bi n, vùng sâu, vùng xa, vùng c bi t khó kh n.

Sau 5 n m, quân i ã thành l p c 16 khu kinh t qu c phòng (KTQP).

T i các khu KTQP, các n v ã cùng v i chính quy n a ph ng xây d ng nên nh ng vành ai xanh cho T qu c, phát tri n kinh t -xã h i, góp ph n xoá ói gi m nghèo, gi v ng n nh chính tr , c ng c qu c phòng-an ninh.

M t s l i u c th :

- Xây d ng:

47.522 m² nhà

9.683 m² tr m xá quân - dân y k t h p

3.327 m² phòng h c

46 1,3 km ng giao thông

33 công trình thu i n v a và nh

- Phát tri n s n xu t và n nh dân c

Các khu KTQP tr c ti p s n xu t:

Binh oàn 15,16 Tây Nguyên khai hoang, tr ng c trên 30 ha cao su, cà phê, ca cao, t o vi c làm cho 17.000 lao ng trong ó có 5.500 ng i thi u s t i ch .

T 1992 n h t 2003: u, ón nh n 72.203 h dân vào làm vi c t i các khu KTQP. Riêng trong n m 2003 ã giúp c 6.058 h thoát c ói nghèo.

PH L C 3
CÁC CU C VI NG TH M TRAO I
ÒÀN QUÂN S C P CAO N M 2002 – 2003

Ngày Tháng N m	òàn i th m n c ngoài	òàn n th m Vi t Nam
N m 2002		
23-26/01		B tr ng BQP B
31/01-02		T l nh BCH Thái Bình D ng M
10-12/02		T ng th ký BQP In- ô-nê- xi -a
15-19/02		B tr ng BQP Lào
20-22/02		T l nh t i cao Quân i Thái Lan
19-22/02		T ng T l nh Q Hoàng Gia Cam-pu chia
24/02-01/3	Phó TTMT d tri n lã m Hàng không Châu Á t i Xin-ga-po	
01-17/3	Th tr ng BQP th m Hà Lan, Tây Ban Nha và I-ta-li-a	
03-07/3		T l nh l c quân Phi-lip-pin
20-24/3	Phó TTMT th m Cam-pu chia	
31/03-03	TTMT th m HNCT Lào	
03-08/4		T l nh Quân khu biên gi i Trung Qu c
Ngày Tháng N m	òàn i th m n c ngoài	òàn n th m Vi t Nam
04-08/4		Tham m u tr ng Liên quân Pháp
08-11/4	Phó TTMT d tri n lã m d ch v qu c phòng t i Ma-lai-xi-a	
19-24/4		TTMT Quân i Phi-lip-pin
04-12/5	Giám c H c vi n Qu c phòng th m Ô-xtrây-li-a	

12-15/5	T 1 nh Quân khu 5 th m Cam-pu-chia	
19-23/5		T 1 nh Không quân Th y i n
28-31/5	Ch nhi m TCHC th m Lào	
09-16/6	Phó TTMT đ tri n l ăm t i Pháp	
17-22/6		Ch nhi m TCCT Q ND Lào
08-14/7		Ch nhi m TCCT Quân i Cu-ba
21-28/7	Ch nhi m TCCNQP th m Trung Qu c	
23-27/7		T 1 nh H i quân Phi-lip-pin
26-30/7	T 1 nh Biên Phòng th m LB Nga	
18-25/8	T 1 nh Biên phòng th m Lào	
21-24/8	B tr ng BQP th m HNCT Cam-pu-chia	
08-16/9		T 1 nh H i quân Cam-pu-chia
18-19/9		Th tr ng BQP CHDCND Tri u Tiên
Ngày Tháng N m	oàn i th m n c ngoài	oàn n th m Vi t Nam
29/9-02/10		T 1 nh H i quân ánh b M
01-09/10	TTMT th m HNCT Ma-lai-xi-a và Bru-nây	
08-14/10	T 1 nh H i quân i Nh t đ di u hành H i quân Qu c t	
15-12/10	Ch nhi m TCCT th m HNCT Trung Qu c và CHDCND Tri u Tiên	
15-22/10	T 1 nh PK-KQ th m Bê-la-rút	
27-29/11		T 1 nh H i quân Thái Lan
02-05/12		TTMT Quân i Xin-ga-po
N m 2003		
19-22/01		T 1 nh không quân Phi-lip-pin
21-24/01		Phó t 1 nh Q -T 1 nh L c quân Cam-pu-chia

09-21/02	B tr ng BQP th m HNCT Lào, Thái Lan, Mi-an-ma	
18-25/3	Ch nhi m TCCT th m HNCT Lào	
08-10/4		Phó TTL Quân ôih Hoàng gia CPC
10-14/4		2 tàu H i quân Nh t th m Thành ph H Chí Minh
22-29/4		T ng TMT Q ND Lào
Ngày Tháng N m	oàn n th m Vi t Nam	oàn n th m Vi t Nam
19-21/5		T l nh L c quân Thái Lan
25-28/5		T l nh L c quân Ô-xtrây-li-a
01-07/6	Ch nhi m TCCT th m HNCT Cu-ba	
14-23/6	Phó TTMT d tri n l m KH-VT t i Pháp	
09-12/7		Ch t ch H TMT Liên quân Nh t
15/17-02/8	Th tr ng BQP th m Nam Phi, Mô-d m-bích, An-gô-la, Công- gô (Brazavin)	
14-22/7	Phó CNTCCT th m Ô-xtrây-li-a	
15-18/7		H c vi n CH-TM L c quân Thái Lan
24-28/7		2 tàu H i quân Thái Lan th m thành ph H Chí Minh
27-30/7		T l nh H i quân Ma-lai-xi-a
29-31/7	T l nh PK-KQ th m Lào	
06-10/8		T l nh các LLVT Bru-nây
19-24/8	Th tr ng BQP và phó TTMT d tri n l m HK-VT t i Nga	
21-26/8	TTMT d h i ngh TTMT các N c ASEAN t i Bru-nây	
Ngày	oàn n th m Vi t Nam	oàn n th m Vi t Nam

Tháng N m		
22-25/8		T 1 nh L c quân Ma-lai-xi-a
20-30/8	Ch nhi m TCCNQP th m n	
30/8-04/9	Phó TTMT d H i ngh T 1 nh LQ Châu Á - TBD t i Hàn Qu c	
04-10/9	T 1 nh H i quân th m Hà Lan	
08-15/9		Phó ch nhi m TCCT Lào
07-13/9	Th tr ng BQP d tri n lăm QP t i Anh	
08-17/9	TTMT th m HNCT Ô-xtrây-li-a và Xin-ga-po	
29/9-01/10		Tàu H i quân n th m Thành ph H Chí Minh
29/9-07/10	Th tr ng BQP và TLHQ d tri n lăm QP t i Ma-lai-xi-a, th m Xin-ga-po	
29/9-03/10	Th tr ng BQP và TLHQ d tri n lăm QP t i Th Nh K	
05-11/10		H c vi n QP Anh
08-11/10		H c vi n QP Hàn Qu c
22-26/10		2 tàu H i quân Ô-xtrây-li-a th m thành ph H Chí Minh
29/10-03/11		T 1 nh l cl ng TBDc aH i quân Pháp
27/10-01/11		Tàu H i quân Pháp th m thành ph H i Phòng
19-22/11		Tàu H i quân M th m thành ph H Chí Minh
30/10-02/11		3 tàu H i quân Hàn Qu c th m thành ph H Chí Minh
05-08/11		B tr ng BQP Thái Lan th m HNCT Vi t Nam
09-12/11	B tr ng BQP th m chính th c M , Braxin và B	

26/10-02/11,02-07/11	TTMT th m HNCT Trung Qu c, Nh t B n	
12-17/11	Th tr ng BQP d i tho i AN-QP t i n	
22-26/11		TTK QP I-ta-li-a th m chính th c Vi t Nam
09-12/12		B tr ng QP Xin-ga-po
30/11-03/12	Phó TTMT d Qu c khánh Thái Lan	
02-05/12		Phó ch nhi m th nh t TCCT CHDCND Tri u Tiên
09-13/12		Tàu H i quân n th m thành ph H Chí Minh
17-21/12		TTMT n th m HNCT

M C L C

	Trang
L i n ̄ o i u	2
PH N TH NH T:	
Chính sách qu c phòng c a Vi t Nam	3
1. T ng quan tình hình an ninh.....	3
2. Chính sách qu c phòng c a Vi t Nam	4
PH N TH HAI	
Xây d ng n n qu c phòng toàn dân	7
1. Xây d ng ti m l c qu c phòng.....	7
2. Xây d ng th tr n qu c phòng.....	10
3. Qu n lý Nhà n c v qu c phòng.....	11
PH N TH BA	
Xây d ng l c l ng v trang	13
1. Các thành ph n l c l ng v trang	13
2. Ph ng h ng và bi n pháp ch y u.....	18
PH N PH L C	
Ph ̄ l c 1: K t qu 5 n m quân i nhân dân Vi t Nam Tham gia xây d ng phát tri n kinh t - xã h i	23
Ph ̄ l c 2: C p hi u, phù hi u	
Ph ̄ l c 3: Các cu c vi ng th m trao i oàn quân s c p cao n m 2002- 2003.....	24